TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 5 - 2024
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Châu Hoàng Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mẫn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm: 1984 (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp H L, xã T H Đ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Mai Hoàng Gi, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã K H, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:*

Về hôn nhân: Năm 2000 được sự đồng ý của gia đình hai bên bà và ông Mai Hoàng Gi làm đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống có hai con chung nhưng cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng không có sự quan tâm tôn trọng nhường nhịn nhau. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt không thể hàn gắn nên đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Giữa bà và ông Gi không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Mai Hoàng Gi.

Về con chung: Vợ chồng có được hai người con chung tên Mai Lệ H, sinh năm 2002 và Mai Lệ H1, sinh ngày 05/01/2007. Đối với con chung Mai Lệ H đã trưởng thành không yêu cầu; đối với con chung Mai Lệ H1 có nguyện vọng sống

với ai thì người đó nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Mai Hoàng Gi đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Gi không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Mai Hoàng Gi tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Gi đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà L và ông Gi theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L xác định vợ chồng làm đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, bà L và ông Gi làm đám cưới theo phong tục, chung sống với nhau là trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; ông Gi cũng không có ý kiến gì đối với việc bà L xác định vợ chồng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Gi không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà Lê Thị L và ông Mai Hoàng Gi là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị L và ông Mai Hoàng Gi có hai con chung tên Mai Lệ H, sinh năm 2002 và Mai Lệ H1, sinh ngày 05/01/2007. Xét thấy, bà L xác định con chung Mai Lệ H đã trưởng thành không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung Mai Lệ H1 hiện do bà L nuôi dưỡng, có nguyện vọng được sống chung với bà L; ông Gi cũng không có ý kiến gì đối với con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung khi cha mẹ ly hôn Hội đồng xét xử giao con chung tên Mai Lệ H1 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Gi không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Bà Lê Thị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có, ông Gi không có ý kiến gì đối với việc bà L xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị L và ông Mai Hoàng Gi là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung Mai Lệ H, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên không xem xét; giao con chung tên Mai Lệ H1, sinh ngày 05/01/2007 cho bà Lê Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Mai Hoàng Gi không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà Lê Thị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006263 ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà L, ông Gi vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mộng Chi